

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31-10-2023

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trần Minh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh;

2. Ông Võ Công Khanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đức, là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 31 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phan Thị M, sinh năm: 1973 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Phan Thanh S, sinh năm: 1973 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2023 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/10/2023 của nguyên đơn chị Phan Thị M trình bày:*

Về hôn nhân: Chị M và anh Phan Thanh S tự tìm hiểu trước một thời gian và được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới cho anh, chị năm 1991 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống chị M và anh S có sinh được hai con chung tên Phan Thanh T1, sinh ngày 15/7/1993 và Phan Thanh T2, sinh ngày 24/6/2000. Đến tháng 8/2015 chị M và anh S phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống hôn nhân không đạt được. Chị M và

anh S đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian chị M và anh S ly thân cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay tình cảm giữa chị M và anh S không hàn gắn lại được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh S.

Về nuôi con: Có hai con chung tên Phan Thanh T1, sinh ngày 15/7/1993 và Phan Thanh T2, sinh ngày 24/6/2000, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại Văn bản ý kiến ngày 09/10/2023 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 20/10/2023 của bị đơn anh Phan Thanh S trình bày:*

Về hôn nhân: Anh S và chị M tự tìm hiểu trước một thời gian và được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới cho anh, chị năm 1991 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống anh S và chị M có sinh được hai con chung tên Phan Thanh T1, sinh ngày 15/7/1993 và Phan Thanh T2, sinh ngày 24/6/2000. Đến tháng 8/2015 anh S và chị M phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống hôn nhân không đạt được. Anh S và chị M đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Trong thời gian anh S và chị M ly thân cũng nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành nên anh S đồng ý ly hôn với chị M.

Về nuôi con: Có hai con chung tên Phan Thanh T1, sinh ngày 15/7/1993 và Phan Thanh T2, sinh ngày 24/6/2000, hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản: Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Phan Thị M yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Phan Thanh S, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp về việc “Ly hôn”. Đây là vụ án hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn anh Phan Thanh S hiện cư trú tại địa chỉ ấp L, xã P, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông.

Tại phiên tòa, chị M và anh S vắng mặt. Xét thấy, anh, chị đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử

tiến hành xét xử vắng mặt chị M và anh S là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân chung sống như vợ chồng giữa chị Phan Thị M và anh Phan Thanh S là hoàn toàn tự nguyện và anh, chị đồng ý ly hôn nhưng anh, chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là vi phạm vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị M với anh S là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con: Chị Phan Thị M và anh Phan Thanh S trình bày trong thời gian chung sống anh, chị có hai con chung tên Phan Thanh T1, sinh ngày 15/7/1993 và Phan Thanh T2, sinh ngày 24/6/2000, hiện nay đã trưởng thành không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về chia tài sản: Tài sản chung và nợ: Chị M và anh S trình bày: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Phan Thị M phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Thị M với anh Phan Thanh S.

2. Về án phí sơ thẩm:

2.1. Chị Phan Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0001392 ngày 09 tháng 10 năm 2023, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp, chị Phan Thị M đã nộp đủ.

2.2. Anh Phan Thanh S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, người yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Trần Minh Châu